

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH VÀ CÁC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH		
Mã học phần:	71FINC20013	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	71FINC20013_01,02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các kiến thức về hoạt động của hệ thống tài chính, vai trò của các công cụ tài chính và các tổ chức quản lý liên quan để giải quyết các tình huống trong hoạt động của doanh nghiệp .	Trắc nghiệm	40	Câu 1 đến câu 10	0,4đ/câu	P.I 2.3
CLO2	Vận dụng các kiến thức về công cụ tài chính trên thị trường tài chính và chính sách tài chính nhằm đưa ra phương án quyết định đầu tư	Trắc nghiệm	40	Câu 11 đến câu 20	0,4đ/câu	P.I 2.3
CLO5	Tuân thủ luật pháp trong thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	Tự luận	20	Câu 21 - 22	1đ/câu	P.I 9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu + 0,4 điểm/câu)

Công ty cổ phần bắt buộc phải có:

- A. Cổ phiếu phổ thông
- B. Cổ phiếu ưu đãi
- C. Trái phiếu công ty
- D. Tất cả các loại chứng khoán trên

ANSWER: A

Thị trường tài chính là nơi huy động vốn:

- A. Ngắn, trung và dài hạn
- B. Ngắn hạn
- C. Trung hạn

D. Dài hạn

ANSWER: A

Người sở hữu cổ phiếu và trái phiếu đều được hưởng:

A. Lãi suất từ vốn mà mình đầu tư vào công ty

B. Lãi suất cố định

C. Thu nhập phụ thuộc vào hoạt động của công ty

D. Được quyền bầu cử tại Đại hội cổ đông

ANSWER: A
Thị trường thứ cấp:

A. Là nơi mua bán các chứng khoán đã phát hành

B. Là nơi doanh nghiệp huy động vốn trung và dài hạn thông qua việc phát hành cổ phiếu và trái phiếu

C. Là nơi mua bán chứng khoán kém chất lượng

D. Là thị trường chứng khoán kém phát triển

ANSWER: A

Công ty niêm yết là:

A. Công ty đại chúng

B. Công ty cổ phần nhà nước

C. Công ty phát hành riêng lẻ

D. Công ty TNHH một thành viên

ANSWER: A

Lãi suất tăng lên liên tục trong thời gian 2021 – 2022 vừa qua nhằm:

A. Kiểm chế lạm phát

B. Kích thích nền kinh tế phát triển

C. Tạo công ăn việc làm cho người dân

D. Phá giá đồng tiền

ANSWER: A

Thị trường tập trung khác với thị trường phi tập trung ở chỗ:

A. Địa điểm giao dịch các công cụ tài chính

B. Thời hạn của các công cụ tài chính.

C. Giá trị của các công cụ tài chính

D. Uy tín của doanh nghiệp phát hành

ANSWER: A

Ngân hàng thương mại M niêm yết lãi suất tiền gửi VND kỳ hạn 12 tháng là 5%/năm. Nền kinh tế được dự báo có mức lạm phát 2%. Cho biết nhận định nào sau đây phù hợp:

- A. 5% là lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực của người gửi tiền thấp hơn mức này.
- B. 5% là lãi suất thực, lãi suất danh nghĩa của người gửi tiền thấp hơn mức này.
- C. 5% là lãi suất thực, lãi suất danh nghĩa của người gửi tiền cao hơn mức này.
- D. 5% là lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực của người gửi tiền cao hơn mức này.

ANSWER: A

Sắp xếp các chứng khoán thị trường tiền tệ sau theo thứ tự tính thanh khoản giảm dần: (1) Tín phiếu; (2) Hợp đồng mua lại REPO; (3) Chứng chỉ tiền gửi khả nhượng; (4) Thương phiếu.

- A. (1) (3) (4) (2)
- B. (1) (4) (3) (2)
- C. (1) (2) (3) (4)
- D. (1) (2) (4) (3)

ANSWER: A

Mức độ thanh khoản của một tài sản được xác định bởi:

- A. Chi phí thời gian và tài chính để chuyển tài sản đó thành tiền mặt.
- B. Chi phí tài chính để chuyển giao tài sản đó thành tiền mặt.
- C. Khả năng tài sản có thể được bán một cách dễ dàng với giá thị trường.
- D. Chi phí thời gian để chuyển tài sản đó thành tiền mặt.

ANSWER: A

Nhiều nhà đầu tư đi rút tiền gửi ngân hàng khiến:

- A. Cung tín dụng giảm, lãi suất tăng
- B. Cung tín dụng tăng, lãi suất giảm
- C. Cầu tín dụng tăng, lãi suất giảm
- D. Cầu tín dụng giảm, lãi suất tăng

ANSWER: A

Vào đầu năm thứ 1 bạn gửi vào ngân hàng 20.000.000 đồng, cuối năm thứ 3 bạn gửi thêm vào ngân hàng 10.000.000 đồng nữa. Hỏi cuối năm thứ 4 bạn có bao nhiêu tiền trong tài khoản ngân hàng nếu lãi suất ngân hàng là 6,5%/năm trong suốt 4 năm?

- A. 36.476.099 đồng
- B. 35.569.360 đồng

C. 35.862.099 đồng

D. 37.168.349 đồng

ANSWER: A

Khi thừa tiền tạm thời, các doanh nghiệp thường làm gì để tăng khả năng sinh lời của đồng tiền?

A. Đầu tư trên thị trường tiền tệ

B. Đầu tư trên thị trường trái phiếu

C. Đầu tư trên thị trường cổ phiếu

D. Không làm gì cả

ANSWER: A

Việc phát hành trái phiếu làm tăng của doanh nghiệp.

A. nợ dài hạn

B. nợ ngắn hạn

C. vốn chủ sở hữu

D. chưa đủ cơ sở để kết luận

ANSWER: A

Nhận định nào là đúng trong các nhận định sau đây?

A. Quốc gia nào có lãi suất thị trường cao thì quốc gia đó sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước hơn

B. Quốc gia nào có lãi suất thị trường cao thì tăng trưởng tín dụng quốc gia đó tăng cao

C. Quốc gia nào có lãi suất thị trường cao thì tính thanh khoản của chứng khoán ở quốc gia đó cũng cao hơn

D. Quốc gia nào có lãi suất thị trường cao thì gia tăng được xuất khẩu

ANSWER: A

Trong một nền kinh tế, khi tỷ lệ lạm phát được dự đoán sẽ tăng thì:

A. Lãi suất danh nghĩa sẽ tăng

B. Lãi suất thực sẽ tăng

C. Lãi suất danh nghĩa sẽ giảm

D. Lãi suất thực sẽ giảm

ANSWER: A

Nếu suất sinh lời dự tính của một loại tài sản tăng lên so với các loại tài sản thay thế khác và các yếu tố khác không đổi thì nhu cầu về tài sản đó sẽ:

A. tăng lên

- B. không thay đổi
- C. giảm đi
- D. không thể kết luận

ANSWER: A

Các yếu tố khác giữ nguyên, Ngân hàng Nhà nước sẽ sử dụng chính sách nào để hỗ trợ nền kinh tế đang bị suy thoái?

A. Chính sách tiền tệ mở rộng

- B. Chính sách tiền tệ thắt chặt
- C. Chính sách tài khóa mở rộng
- D. Chính sách tài khóa thắt chặt

ANSWER: A

Lạm phát..... có tác động làm tăng trưởng kinh tế và tạo ra nhiều công ăn việc làm hơn.

A. thấp/ vừa phải

- B. siêu lạm phát
- C. phi mã
- D. Không có loại lạm phát nào, vì lạm phát luôn tác động xấu đến nền kinh tế

ANSWER: A

Tạp chí ngân hàng có đưa tin: “NHNN mua lượng lớn ngoại tệ bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước, đưa tiền đồng ra thị trường, qua đó thanh khoản hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) dồi dào, đồng thời, hàng ngày NHNN chào mua giấy tờ có giá nhằm phát tín hiệu sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản, ổn định thị trường tiền tệ. Nhờ đó, lãi suất liên ngân hàng giảm xuống và duy trì ở mức rất thấp trong lịch sử, giảm chi phí vốn đầu vào cho TCTD, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để TCTD giảm lãi suất cho vay” - Điều hành chính sách tiền tệ: Sẽ chia khó khăn, vượt qua thách thức nhưng không chủ quan với rủi ro lạm phát (Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN).

Thông tin trên cho biết, NHNN đang thực thi chính sách tiền tệ.....(1)....., bằng công cụ.....(2)..... nhằm kích cầu nền kinh tế đang suy yếu vì ảnh hưởng của đại dịch.

A. (1) mở rộng/ (2) nghiệp vụ thị trường mở

- B. (1) thắt chặt/ (2) tín dụng
- C. (1) mở rộng/ (2) lãi suất
- D. (1) thắt chặt/ (2) dự trữ bắt buộc

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu)**Câu 21 (1,0 điểm)**

Ngân hàng Trung ương sử dụng công cụ tỷ giá hối đoái như thế nào để ổn định giá trị đối nội và đối ngoại của đồng tiền? Giải thích cụ thể?

Câu 22 (1,0 điểm)

Tại sao nói đầu tư cổ phiếu hấp dẫn hơn đầu tư trái phiếu? Giải thích cụ thể?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8,0	
Câu 1 – 20	Đáp án A	0,4	
II. Tự luận		2,0	
Câu 21	Bán ngoại tệ ra để thu hút đồng nội tệ vào	0,25	
	Thắt chặt tiền tệ để ổn định giá trị đối nội của đồng tiền	0,25	
	Bán ngoại tệ làm tăng cung ngoại tệ	0,25	
	Cung ngoại tệ tăng làm tỷ giá giảm, ổn định giá trị đối ngoại của đồng tiền	0,25	
Câu 22	Trái phiếu có lãi suất cố định	0,25	
	Cổ tức của cổ phiếu thay đổi phụ thuộc vào lợi nhuận và chính sách trả cổ tức của công ty	0,25	
	Giá của cổ phiếu thay đổi mạnh hơn giá của trái phiếu	0,25	
	Đầu tư cổ phiếu rủi ro cao hơn, rủi ro càng cao lợi nhuận càng lớn	0,25	
		10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2024

Giảng viên ra đề



ThS. Lương Minh Lan